TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/DSPT
Ngày: 26/3/2018
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tiền hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương
Ông Nguyễn Viết Hùng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Đỗ Tấn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:*** Ông Bùi Văn Thi – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22 và ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tiền hụi"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DSST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2017/QĐPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1948 (có mặt)
Người đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ: Bà Đại Thị Đ, sinh năm 1969 *(Theo Văn bản ủy quyền ngày 27/7/2017)*.
Cùng địa chỉ cư trú: tổ 04, ấp 3B, xã M, huyện N, tỉnh Bình Phước.

* *Bị đơn:* Bà **Bùi Thị Kiều P,** sinh năm 1968, (có mặt)
Địa chỉ cư trú: tổ 01, ấp 3B, xã M, huyện N, tỉnh Bình Phước
* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Đại Thị Đ, sinh năm 1969, (có mặt)
Địa chỉ cư trú: tổ 04, ấp 3B, xã M, huyện N, tỉnh Bình Phước

2/ Ông Đỗ Thanh P, sinh năm 1973, (có mặt)
Địa chỉ cư trú: tổ 01, ấp 3B, xã M, huyện N, tỉnh Bình Phước

3/ Bà Trần Thị L, sinh năm 1954, (có mặt)

Địa chỉ cư trú: tổ 9, ấp 3A, xã M, huyện N, tỉnh Bình Phước

4/ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983, (có mặt)

Địa chỉ cư trú: tổ 9, ấp 3A, xã M, huyện N, tỉnh Bình Phước

Người kháng cáo: Bị đơn bà Bùi Thị Kiều P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh P.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2015, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Do quen biết nhau nên ông Nguyễn Văn Đ có cho bà Bùi Thị Kiều P vay tổng cộng 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), khi vay bà Bùi Thị Kiều P nói vay tiền để làm vốn làm ăn, mỗi lần vay tiền bà Bùi Thị Kiều P đều viết giấy, cụ thể các lần vay như sau:

Lần 1: Ngày 04/01/2015 bà Bùi Thị Kiều P vay 20.000.000 đồng, hẹn 05 ngày sau sẽ thanh toán (tức 09/01/2015). Lần 2: Ngày 15/01/2015 bà Bùi Thị Kiều P vay 20.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau sẽ thanh toán (tức 25/01/2015). Lần 3: Ngày 02/02/2015 bà Bùi Thị Kiều P tiếp tục vay 20.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau sẽ thanh toán. Lần 4: Ngày 17/02/2015 bà Bùi Thị Kiều P tiếp tục vay 20.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau sẽ thanh toán. Lần 5: Ngày 17/6/2015 bà Bùi Thị Kiều P tiếp tục vay 20.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau sẽ thanh toán.

Khi cho vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày. Bà Bùi Thị Kiều P trả được 02 lần tiền lãi được khoảng hơn 2.000.000 đồng, sau đó bà Bùi Thị Kiều P nói làm nhà khó khăn nên không trả lãi nữa.

Nay ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu bà Bùi Thị Kiều P và chồng là ông Đỗ Thanh P phải trả số nợ đã vay là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông Nguyễn Văn Đ cung cấp 05 giấy biên nhận viết tay chứng minh các lần vay tiền của bà Bùi Thị Kiều P.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn Đ còn chơi hụi với bà Bùi Thị Kiều P là chủ hụi, ông Nguyễn Văn Đ chơi 01 chân hụi tháng 5.000.000 đồng, hụi khui ngày 20/12/2014 (âm lịch), có 12 chân, chơi 12 tháng. Bình quân mỗi tháng bà Đại Thị Đ (vợ ông Nguyễn Văn Đ) đóng cho bà Bùi Thị Kiều P từ 3.400.000 đồng đến 3.600.000 đồng. Bà Đại Thị Đ đóng hụi được 08 kỳ, tức đến tháng 7/2015 (âm lịch) bà Bùi Thị Kiều P tuyên bố úp hụi và chưa thanh toán lại tiền cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ. Nay ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu vợ chồng bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P phải trả số tiền hụi vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ đã đóng là 28.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông Nguyễn Văn Đ có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông Nguyễn Văn Đ chỉ yêu cầu vợ chồng bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P trả số tiền hụi đã đóng mà bà Bùi Thị Kiều P thừa nhận là

24.500.000 đồng, số tiền chênh lệch do tính toán sai ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu.

Bị đơn bà Bùi Thị Kiều P trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bà Bùi Thị Kiều P có vay tiền của ông Nguyễn Văn Đ 05 lần, mỗi lần 20.000.000 đồng và đã trả xong nợ gốc và tiền lãi, cụ thể: Lần thứ nhất ngày 4/01/2015 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày. Bà Bùi Thị Kiều P đã trả nợ gốc ngày 14/01/2015, trả lãi 600.000 đồng; Lần thứ hai ngày 15/01/2015 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày. Bà Bùi Thị Kiều P đã trả nợ gốc ngày 25/01/2015, trả lãi 600.000 đồng; Lần thứ ba ngày 02/02/2015 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày. Bà Bùi Thị Kiều P đã trả nợ gốc ngày 12/02/2015, trả lãi 600.000 đồng; Lần thứ tư ngày 17/02/2015 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày. Bà Bùi Thị Kiều P đã trả nợ gốc ngày 07/3/2015, trả lãi 1.200.000 đồng; Lần thứ năm ngày 17/6/2015 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày, đến ngày 17/7/2015 bà Bùi Thị Kiều P đã trả lãi 1.800.000 đồng, từ ngày 18/7/2015 tiền nợ gốc bà Bùi Thị Kiều P chuyển qua trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng, bà Bùi Thị Kiều P đã trả được 13.000.000 đồng nợ gốc còn nợ lại 7.000.000 đồng. Giữa bà Bùi Thị Kiều P, bà Đại Thị Đ có ghi giấy bà Đại Thị Đ nhận mỗi ngày 1.000.000 đồng. Mỗi lần vay tiền của ông Nguyễn Văn Đ, bà Bùi Thị Kiều P đều viết giấy nhưng khi trả nợ bà Bùi Thị Kiều P không lấy lại giấy nợ cũng không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ ghi giấy đã nhận tiền vì tin tưởng nhau.

Nay ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P phải trả số nợ 100.000.000 đồng, bà Bùi Thị Kiều P không đồng ý vì đã trả 93.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 7.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện nợ hụi, bà Bùi Thị Kiều P thừa nhận ông Nguyễn Văn Đ có chơi hụi với bà Bùi Thị Kiều P 01 chân hụi tháng, có 12 người chơi, mở hụi ngày 20/12/2014 (âm lịch), nếu bình thường thì đến 20/12/2015 âm lịch là kết thúc nhưng do có một số hụi viên đã hốt hụi mà không đóng tiền nên bà Bùi Thị Kiều P tuyên bố úp hụi, số tiền ông Nguyễn Văn Đ đóng cụ thể như sau:

Ngày 20/12/2014 (âm lịch) hụi bỏ lãi 1.600.000 đồng nên ông Nguyễn Văn Đ đóng cho bà Bùi Thị Kiều P 3.400.000 đồng; Ngày 20/01/2015 (âm lịch) hụi bỏ lãi 1.300.000 đồng nên ông Nguyễn Văn Đ đóng cho bà Bùi Thị Kiều P 3.700.000 đồng; Ngày 20/02/2015 (âm lịch) hụi bỏ lãi 1.600.000 đồng nên ông Nguyễn Văn Đ đóng cho bà Bùi Thị Kiều P 3.400.000 đồng; Ngày 20/03/2015 (âm lịch) hụi bỏ lãi 1.400.000 đồng nên ông Nguyễn Văn Đ đóng cho bà Bùi Thị Kiều P 3.600.000 đồng; Ngày 20/04/2015 (âm lịch) hụi bỏ lãi 1.750.000 đồng nên ông Nguyễn Văn Đ đóng cho bà Bùi Thị Kiều P 3.250.000 đồng; Ngày 20/05/2015 (âm lịch) hụi bỏ lãi 1.700.000 đồng nên ông Nguyễn Văn Đ đóng cho bà Bùi Thị Kiều P 3.200.000 đồng; Ngày 20/6/2015 (âm lịch) hụi bỏ lãi 1.800.000 đồng nên ông Nguyễn Văn Đ đóng cho bà Bùi Thị Kiều P 3.200.000 đồng.

Tổng cộng ông Nguyễn Văn Đ đã đóng cho bà Bùi Thị Kiều P 07 tháng tiền hụi là 23.850.000 đồng. Nay ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P phải trả số tiền hụi ông Nguyễn Văn Đ đã đóng là 28.000.000 đồng, bà Bùi Thị Kiều P đồng ý trả số tiền hụi cho ông Nguyễn Văn Đ là 24.500.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh P trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay trình bày:

Ông Đỗ Thanh P là chồng bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P không biết việc vay tiền của bà Bùi Thị Kiều P với ông Nguyễn Văn Đ và cũng không biết việc ông Nguyễn Văn Đ có chơi hụi với bà Bùi Thị Kiều P. Sau khi bà Bùi Thị Kiều P bể hụi có nói lại với ông Đỗ Thanh P về việc có vay tiền của ông Nguyễn Văn Đ 5 lần là 100.000.000 đồng, bà Bùi Thị Kiều P đã trả tiền cho ông Nguyễn Văn Đ nhưng chưa xin lại giấy nợ. Nay ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P phải trả số tiền nợ là 100.000.000 đồng và tiền nợ hụi ông Nguyễn Văn Đ đã đóng là 24.500.000 đồng. Ông Đỗ Thanh P không đồng ý cùng bà Bùi Thị Kiều P trả nợ vì bà Bùi Thị Kiều P đã trả rồi. Ông Đỗ Thanh P không có giao dịch chơi hụi với ông Nguyễn Văn Đ, bà Bùi Thị Kiều P cũng không dùng tiền chơi hụi vào mục đích chung trong gia đình nên ông Đỗ Thanh P không đồng ý cùng bà Bùi Thị Kiều P trả tiền nợ hụi cho ông Nguyễn Văn Đ mà để bà Bùi Thị Kiều P tự trả cho ông Nguyễn Văn Đ. Ông Đỗ Thanh P cung cấp 01 đĩa ghi âm và 01 bản dịch cuộc nói chuyện giữa ông Đỗ Thanh P và ông Nguyễn Văn Đ được ông Đỗ Thanh P ghi âm để chứng minh bà Bùi Thị Kiều P đã trả xong nợ cho ông Nguyễn Văn Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đại Thị Đ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay trình bày:

Bà Đại Thị Đ là vợ ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ biết ông Nguyễn Văn Đ có cho vợ chồng bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P vay 05 lần, mỗi lần 20.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng. Tiền cho vay là tiền chung của vợ chồng nhưng ông Nguyễn Văn Đ đại diện đứng ra cho vay. Nay bà Đại Thị Đ cũng thống nhất với yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ, buộc vợ chồng bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P phải trả số nợ 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn Đ còn chơi 01 chân hụi với bà Bùi Thị Kiều P là chủ hụi, mỗi lần đóng tiền hụi do bà Đại Thị Đ trực tiếp giao tiền cho bà Bùi Thị Kiều P, có khi ông Đỗ Thanh P ghé nhà lấy. Vợ chồng bà Đại Thị Đ đã đóng được 8 kỳ hụi, số tiền là 28.000.000 đồng. Nay bà Đại Thị Đ cũng thống nhất yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ buộc vợ chồng bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P phải trả số nợ hụi bà Bùi Thị Kiều P đã thừa nhận cho vợ chồng bà Đại Thị Đ là 24.500.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DSST ngày 05/7/2017, Tòa án nhân dân huyện N đã tuyên xử:

- Căn cứ Điều 471, 474, 478, 479 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 144, 147, 217, 218, 228, 244, 264, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ về việc rút số tiền nợ hụi 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về yêu cầu trả nợ vay và yêu cầu kiện đòi tiền hụi đối với bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P.

Buộc bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ tổng số tiền 124.500.000 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Trong đó, nợ vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và nợ hụi là 24.500.000 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 03/8/2017, bị đơn bà Bùi Thị Kiều P kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu thanh toán số tiền vay 100.000.000 đồng.

Ngày 03/8/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh P kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung không đồng ý với việc liên đới với bà Bùi Thị Kiều P thanh toán tiền nợ vay và tiền hụi cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ.

Ngày 19/7/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N kháng nghị Bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P còn nợ ông Nguyễn Văn Đ số tiền vay 87.000.000 đồng; xác định giao dịch hụi giữa bà Bùi Thị Kiều P với ông Nguyễn Văn Đ là vô hiệu, vi phạm điều cấm và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Bùi Thị Kiều P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc buộc bà phải trả số tiền vay 100.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận việc liên đới cùng với bà Bùi Thị Kiều P thanh toán tiền vay và tiền hụi cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Thanh P về việc không đồng ý liên đới với bà Bùi Thị Kiều P trả tiền nợ vay và hụi cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần tiền hụi, buộc bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ 24.500.000 đồng. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Bùi Thị Kiều P về phần tiền vay. Sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ 82 triệu đồng tiền gốc và tiền lãi sẽ tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P trả tiền vay 100.000.000 đồng, thấy rằng:

[1] Ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ và bà Bùi Thị Kiều P đều thừa nhận, từ ngày 04/01/2015 đến ngày 17/6/2015 bà Bùi Thị Kiều P có vay của ông Nguyễn Văn Đ tổng cộng 05 lần với số tiền là 100.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 04/01/2015 vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 05 ngày; ngày 15/01/2015 vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày; ngày 02/02/2015 vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày; ngày 17/02/2015 vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày; ngày 17/6/2015 vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày. Về lãi suất, mặc dù trong các giấy vay không ghi cụ thể lãi suất vay nhưng thực tế các bên thừa nhận lãi suất vay thỏa thuận là 3.000đ/triệu/ngày (tương đương 09%/tháng).

[2] Đối với các khoản vay ngày 04/01/2015, ngày 15/01/2015, ngày 02/02/2015, ngày 17/02/2015 với tổng số tiền vay là 80.000.000 đồng, bị đơn bà Bùi Thị Kiều P cho rằng đã thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh, tuy nhiên bà Bùi Thị Kiều P không cung cấp được chứng cứ chứng minh là đã thanh toán nợ, trong khi đó ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ cũng không thừa nhận. Vì vậy, lời khai của bà Bùi Thị Kiều P là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Đối với khoản vay 20.000.000 đồng ngày 17/6/2015, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị Kiều P cho rằng đã thanh toán nợ gốc được 18.000.000 đồng bằng hình thức trả góp và tiền lãi 1.800.000 đồng. Bà Bùi Thị Kiều P chứng minh bằng giấy trả góp *(bút lục 30),* bà Đại Thị Đ thừa nhận giấy trả góp là do bà viết ra, nhưng bà Đại Thị Đ cho rằng việc trả góp này là cho khoản vay khác. Tuy nhiên, bà Đại Thị Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh khoản vay khác vào ngày tháng năm nào, số tiền bao nhiêu; trong khi đó giấy trả góp ngày 17/7/2015 (bút lục 270) do bà Đại Thị Đ cung cấp chỉ thể hiện nội dung *"Phương góp 1 triệu/tháng"* mà không có nội dung nào thể hiện bà Bùi Thị Kiều P vay tiền. Như vậy, có đủ căn cứ xác định khoản vay 20.000.000 đồng ngày

17/6/2015, bà Bùi Thị Kiều P đã thanh toán được 18.000.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc 2.000.000 đồng.

[4] Việc bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P cho rằng tại bản dịch đoạn băng ghi âm *(bút lục 58)* ông Nguyễn Văn Đ đã thừa nhận việc bà Bùi Thị Kiều P số tiền vay 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, qua xem xét nội dung bản dịch ghi âm không có nội dung nào thể hiện ông Nguyễn Văn Đ đã thừa nhận việc bà Bùi Thị Kiều P đã thanh toán số nợ vay 100.000.000 đồng; trong khi đó ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ cũng không thừa nhận việc bà Bùi Thị Kiều P đã thanh toán nợ vay mà cho rằng ông Đỗ Thanh P đã có hành vi gài bẫy ông Nguyễn Văn Đ trong việc ghi âm.

[5] Bà Bùi Thị Kiều P, ông Nguyễn Văn Đ cũng cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ có mẫu thuẫn trong lời khai lúc thì cho rằng bà Bùi Thị Kiều P mới thanh toán được 2.000.000 đồng tiền lãi, lúc thì cho rằng đã thanh toán được 21.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc lời khai của ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ mâu thuẫn về số tiền lãi không phải là căn cứ để xác định việc bà Bùi Thị Kiều P đã thanh toán nợ gốc vay của ông Nguyễn Văn Đ. Trong khi đó, ông Nguyễn Văn Đ đã khẳng định số tiền lãi vay bà Bùi Thị Kiều P đã thanh toán là 21.000.000 đồng.

[6] Như vậy, có đủ căn cứ xác định, đến nay bà Bùi Thị Kiều P chỉ mới thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ được 18.000.000 đồng tiền gốc nên cần buộc bà Bùi Thị Kiều P có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền nợ gốc vay còn lại là 82.000.000 đồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, buộc bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ số tiền vay 100.000.000 đồng là chưa phù hợp nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm về phần này nên kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Kiều P và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N được chấp nhận một phần.

[9] *Về số tiền lãi:* Mặc dù, trong các giấy vay tiền, giữa bà Bùi Thị Kiều P và ông Nguyễn Văn Đ không ghi lãi suất. Tuy nhiên, căn cứ vào lời thừa nhận của các bên đương sự xác định số tiền lãi các bên thỏa thuận khi vay là 3.000đ/triệu/ngày (tương đương 9%/tháng) là vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị Kiều P cho rằng bà đã thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền lãi là 4.800.000 đồng; trong khi đó ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ cho rằng bà Bùi Thị Kiều P đã thanh toán 21.000.000 đồng tiền lãi. Xét thấy lời khai của các bên là có sự mậu thuẫn về số tiền lãi đã thanh toán nhưng cần ghi nhận lời khai của ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ xác định số tiền lãi bà Bùi Thị Kiều P đã thanh toán là 21.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ không yêu cầu Tòa án xem xét tiền lãi, tuy nhiên, do lãi suất các bên thỏa thuận trái quy định pháp luật và bà Bùi Thị Kiều P đã thanh toán tiền lãi 21.000.000 đồng nên cần

tính lại lãi suất theo quy định tại khoản 4 Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam để đảm bảo quyền lợi của bà Bùi Thị Kiều P, lãi suất cụ thể như sau:

- Khoản vay 20.000.000 đồng ngày 04/01/2015: Lãi trong hạn: 20.000.000 đồng x 09%/năm x 150% x 05 ngày (từ ngày 04/01/2015 đến ngày 09/01/2015) = 37.500đồng; Lãi quá hạn: 20.000.000 đồng x 09%/năm x 02 năm 05 tháng 25 ngày (từ ngày 10/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/7/2017) = 4.475.000 đồng;

- Khoản vay ngày 15/01/2015 20.000.000 đồng: Lãi trong hạn: 20.000.000 đồng x 09%/năm x 150% x 10 ngày (từ ngày 15/01/2015 đến ngày 25/01/2015) = 75.000 đồng; Lãi quá hạn: 20.000.000 đồng x 09%/năm x 02 năm 05 tháng 09 ngày (từ ngày 26/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/7/2017) = 4.395.000 đồng.

- Khoản vay ngày 02/02/2015, 20.000.000 đồng: Lãi trong hạn: 20.000.000 đồng x 09%/năm x 150% x 10 ngày (từ ngày 02/02/2015 đến ngày 12/02/2015) = 75.000 đồng; Lãi quá hạn: 20.000.000 đồng x 09%/năm x 02 năm 04 tháng 23 ngày (từ ngày 13/02/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/7/2017) = 4.315.000đồng.

- Khoản vay ngày 17/02/2015, 20.000.000 đồng: Lãi trong hạn: 20.000.000 đồng x 09%/năm x 150% x 10 ngày (từ ngày 17/02/2015 đến ngày 27/02/2015) = 75.000 đồng; Lãi quá hạn: 20.000.000 đồng x 09%/năm x 02 năm 04 tháng 08 ngày (từ ngày 28/02/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/7/2017) = 4.240.000đồng

- Khoản vay ngày 17/6/2015, 20.000.000 đồng: Lãi trong hạn: 20.000.000 đồng x 09%/năm x 150% x 10 ngày (từ ngày 17/6/2015 đến ngày 27/6/2015) = 75.000 đồng; Lãi quá hạn: 20.000.000 đồng x 09%/năm x 01 năm 11 tháng 02 ngày (từ ngày 03/8/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/7/2017) = 3.460.000đồng.

Tổng số tiền lãi phát sinh là: 21.222.500 đồng, khấu trừ vào số tiền lãi bà Bùi Thị Kiều P đã thanh toán là 21.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại chưa thanh toán là 222.500 đồng. Tuy nhiên, do ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ không yêu cầu bà Bùi Thị Kiều P thanh toán tiền lãi nên bà Bùi Thị Kiều P không phải thanh toán số tiền này.

[10] *Đối với số tiền nợ hụi:* Bà Bùi Thị Kiều P thừa nhận ông Nguyễn Văn Đ có chơi hụi theo dây hụi ngày 20/12/2014 do bà Bùi Thị Kiều P làm chủ hụi; ông Nguyễn Văn Đ đã đóng được 07 kỳ hụi với tổng số tiền 23.850.000 đồng, nhưng do dây hụi bị vỡ hụi nên theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ, bà Bùi Thị Kiều P thống nhất trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền hụi 24.500.000 đồng mà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

[11] *Về nghĩa vụ liên đới:* Mặc dù theo các giấy vay nợ thể hiện chỉ cá nhân bà Bùi Thị Kiều P đứng ra vay tiền của ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ và cũng chỉ cá nhân bà Bùi Thị Kiều P đứng ra chơi hụi cùng với ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ. Tuy nhiên, việc bà Bùi Thị Kiều P vay tiền và chơi hụi là trong thời kỳ hôn nhân. Mặc khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2015 *(bút lục 20)*, bà

Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P đều thừa nhận do kẹt vốn làm ăn nên có vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ, việc vay mượn do bà Bùi Thị Kiều P đứng ra giao dịch; tại Bản tự khai ngày 26/10/2015 *(bút lục 23)* bà Bùi Thị Kiều P cũng thừa nhận vay tiền của ông Nguyễn Văn Đ là để lo công việc làm ăn; tại Biên bản hòa giải ngày 12/11/2015 *(bút lục 43)* ông Đỗ Thanh P cũng đồng ý thanh toán tiền vay và tiền chơi hụi cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ. Như vậy, bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P đã thừa nhận số tiền nợ vay và tiền chơi hụi với ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ là nợ chung của vợ chồng.

Căn cứ vào Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình 2014, cần buộc vợ chồng bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ số tiền vay là 82.000.000 đồng và tiền nợ hụi 24.500.000 đồng nên kháng cáo của ông Đỗ Thanh P về phần này không được chấp nhận.

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Do bản án sơ thẩm bị sửa nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau: Bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P liên đới phải chịu: (82.000.000đồng + 24.500.000đồng) x 5% = 5.325.000đồng; nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ phải chịu phần án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận 18.000.000đồng x 5% = 900.000đồng;

[14] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Thanh P về việc không đồng ý liên đới với bà Bùi Thị Kiều P thanh toán tiền nợ vay và tiền hụi cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ;

[2] Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Bùi Thị Kiều P; chấp nhận một phần cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước về số tiền nợ vay;

[3] Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DSST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng:

- Các Điều 144, 147, 217, 218, 228, 244, 264, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 471, 474, 478, 479 Bộ luật dân sự 2005;

- Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường

- Các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ về việc rút số tiền nợ hụi 3.500.000 đồng *(Ba triệu năm trăm ngàn đồng)*.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về yêu cầu trả nợ vay và kiện đòi tiền hụi đối với bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P;

Buộc bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ số tiền nợ vay gốc là 82.000.000 đồng và nợ hụi là 24.500.000 đồng. Tổng cộng là 106.500.000 đồng *(Một trăm lẽ sáu triệu năm trăm ngàn đồng)*.

3/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ việc việc yêu cầu bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P thanh toán số tiền vay 18.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 17/6/2015;

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4/ Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Bùi Thị Kiều P, ông Đỗ Thanh P phải chịu 5.325.000đồng *(Năm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

+ Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 900.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn Đ đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0007779, quyển số 000156 ngày 27/10/2015 và số tiền 700.000 đồng *(Bảy trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007850, quyển số 000157 ngày 09/12/2015. Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 2.300.000 đồng *(hai triệu ba trăm nghìn đồng)*.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Bà Bùi Thị Kiều P phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008866, quyển số 000178 ngày 14/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bình Phước

+ Ông Đỗ Thanh P phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008867, quyển số 000178 ngày 14/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện N;
- THA DS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nhân

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Khương **Nguyễn Viết Hùng** **Nguyễn Văn Nhân**

[10] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ và bà Bùi Thị Kiều P đều thừa nhận ngày 20/12/2014 *(âm lịch)* bà Bùi Thị Kiều P có mở dây hụi 5.000.000 đồng do bà Bùi Thị Kiều P làm chủ hụi, có 12 người chơi, thời gian bỏ hụi là 12 tháng, hụi đầu là ngày 20/12/2014 âm lịch, kết thúc là ngày 20/12/2015 âm lịch. Việc hốt hụi do các chân hụi bỏ lãi, ai bỏ lãi cao nhất sẽ được hốt hụi, khi hốt hụi phải trả cho chủ hụi tiền hoa hồng mỗi lần là 2.000.000 đồng. Như vậy, căn cứ vào Điều 24 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, xác định hụi có lãi chủ hụi được hưởng hoa hồng.

Trong quá trình thực hiện dây hụi, bà Bùi Thị Kiều P thừa nhận ông Nguyễn Văn Đ đã đóng hụi sống được 07 kỳ từ kỳ ngày 20/12/2014 âm lịch đến kỳ ngày 20/6/2015 âm lịch. Đến kỳ thứ 8 ngày 20/7/2014 (âm lịch), do các con nợ không thanh toán được hụi nên bà Bùi Thị Kiều P chủ hụi tuyên bố úp hụi.

[12] Cũng theo lời trình bày của bà Bùi Thị Kiều P, ông Nguyễn Văn Đ, thể hiện hàng tháng các chân hụi bỏ lãi với mức lãi suất từ 1.300.000 đồng/tháng đến 1.800.000 đồng/tháng *(tương đương với 26%/tháng đến 36%/tháng)* là trái pháp luật quy định tại Điều 10 Nghị định 144/2006/NĐ-CP và Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, hơn nữa, kỳ hụi thứ 8 ngày 20/7/2015 âm lịch do các thành viên không đóng hụi nên bà Bùi Thị Kiều P đã tuyên bố úp hụi. Như vậy, giao dịch về hụi giữa các bên là vô hiệu nên cần phải đưa các thành viên chơi hụi và tham gia tố tụng và giải quyết hậu quả của giao dịch về hụi vô hiệu theo quy định tại Điều 127, 128 và Điều 137 Bộ luật dân sự 2005 mới triệt để được vụ án.

[13] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu

cầu chủ hụi bà Bùi Thị Kiều P cung cấp họ tên địa chỉ của các thành viên trong dây hụi để tham gia tố tụng, tuy nhiên bà Bùi Thị Kiều P không cung cấp được, ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ cũng không xác định được những người tham gia dây hụi. Hơn nữa, theo yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ chỉ yêu cầu bà Bùi Thị Kiều P trả lại số tiền hụi đã đóng 07 kỳ, hai bên đã thống nhất số tiền hụi bà Bùi Thị Kiều P trả cho ông Nguyễn Văn Đ là 24.500.000 đồng. Như vậy, xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên đương sự và các bên cũng không kháng cáo về nội dung này. Vì vậy, không cần thiết phải đưa các thành viên trong dây hụi vào tham gia tố tụng và quan hệ tranh chấp hụi giữa các thành viên còn lại với bà Bùi Thị Kiều P sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu các bên có yêu cầu.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị Đ cho rằng đến nay bà Bùi Thị Kiều P mới thanh toán được cho ông bà 21.000.000 đồng tiền lãi mà chưa thanh toán số tiền vay gốc 100.000.000 đồng nêu trên;

[3] Bị đơn bà Bùi Thị Kiều P lại cho rằng đã thanh toán tổng cộng được 98.000.000 đồng tiền gốc và 4.800.000 đồng tiền lãi, cụ thể: Khoản vay ngày 04/01/2015, đã trả tiền gốc 20.000.000 đồng và lãi là 600.000 đồng vào ngày 14/01/2015; khoản vay ngày 15/01/2015, đã trả tiền gốc 20.000.000 đồng và lãi là 600.000 đồng vào ngày 25/01/2015; khoản vay ngày 02/02/2015, đã trả tiền gốc 20.000.000 đồng và lãi là 600.000 đồng vào ngày 12/02/2015; khoản vay ngày 17/02/2015, đã trả tiền gốc 20.000.000 đồng và lãi là 1.200.000 đồng vào ngày 07/3/2015. Tất cả những lần thanh toán này thì các bên không lập giấy tờ gì. Đối với khoản vay ngày 17/6/2015, bà Bùi Thị Kiều P trả lãi 1.800.000 đồng vào ngày 17/7/2015. Còn số tiền gốc thì bà Bùi Thị Kiều P trả góp hàng ngày với số tiền góp 1.000.000đ/ngày, bà đã trả được 18.000.000 đồng (từ ngày 17/7/2015 đến ngày 03/8/2015), còn nợ lại 2.000.000 đồng, theo giấy trả gốp ngày 17/7/2015 bà Bùi Thị Kiều P đã cung cấp cho Tòa án.